

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2015



EY

Building a better
working world

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 36

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001067 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 6 năm 2002 và các GCNĐKKD điều chỉnh như sau:

<i>Giấy CNĐKKD điều chỉnh</i>	<i>Ngày</i>
4103001067 - Điều chỉnh lần thứ nhất	Ngày 16 tháng 7 năm 2003
4103001067 - Điều chỉnh lần thứ hai	Ngày 17 tháng 8 năm 2007
4103001067 - Điều chỉnh lần thứ ba	Ngày 21 tháng 5 năm 2008
0302634683 - Điều chỉnh lần thứ tư	Ngày 7 tháng 6 năm 2011
0302634683 - Điều chỉnh lần thứ năm	Ngày 6 tháng 9 năm 2011
0302634683 - Điều chỉnh lần thứ sáu	Ngày 26 tháng 5 năm 2014
0302634683 - Điều chỉnh lần thứ bảy	Ngày 2 tháng 7 năm 2014

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại; sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu nông sản, vật tư nông nghiệp; sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật; và thiết kế, chế tạo, lắp đặt, xuất nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị chế biến hạt giống và nông sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 282 đường Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có các đơn vị trực thuộc là trạm giống cây trồng Củ Chi, trại giống cây trồng Cờ Đỏ, trạm giống cây trồng Cai Lậy, trại giống cây trồng Lâm Hà, trung tâm nghiên cứu giống cây trồng Miền Nam và trung tâm giống rau hoa, các chi nhánh tại Hà Nội, Tây Nguyên, Miền Trung và Campuchia, và Văn phòng đại diện tại Lào.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Thị Lệ Hằng	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Ông Hàng Phi Quang	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Bà Trần Kim Liên	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Quốc Vọng	Thành viên	
Ông Đỗ Bá Vọng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Tiến Hiệp	Thành viên	miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Ông Quốc Hồ Đình Tuấn	Thành viên	miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Thế Tý	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Hoàng Công	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Khánh Quỳnh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Hữu Hòa	Thành viên	bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Đức Minh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015
Bà Chu Thị Phương Anh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2015

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hàng Phi Quang	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Thành Tài	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Hàng Phi Quang.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.


Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ("Thông tư 52") - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Công văn số 1419/UBCK-PTTT - Hướng dẫn Thông tư 52. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Giám đốc: 



Hạng Phi Quang
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2016



Building a better
working world

Số tham chiếu: 61000411/17794323

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam ("Công ty"), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 36, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 24 tháng 3 năm 2016 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Thị Tuyết Mai
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1575-2013-004-1

Ngô Hồng Sơn
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2211-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại – Thuyết minh số 28)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		365.807.120.373	396.537.763.502
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	22.150.190.542	66.876.258.657
111	1. Tiền		18.150.190.542	54.829.203.101
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.000.000.000	12.047.055.556
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		112.874.743.744	144.244.295.950
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	93.941.475.396	123.179.384.437
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	6.358.082.834	8.075.321.525
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	1.324.287.000	1.489.287.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	15.434.972.275	14.857.649.187
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1, 6, 7	(4.228.104.888)	(3.406.696.237)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		44.031.127	49.350.038
140	III. Hàng tồn kho		226.212.445.229	180.098.572.644
141	1. Hàng tồn kho	8	236.848.957.578	183.541.721.067
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	8	(10.636.512.349)	(3.443.148.423)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		4.569.740.858	5.318.636.251
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	896.394.913	1.448.417.966
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	15	3.535.367.022	3.836.633.407
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	137.978.923	33.584.878
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		131.550.238.113	123.019.345.420
220	I. Tài sản cố định		100.329.035.274	99.465.749.471
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	60.979.830.936	61.951.046.506
222	Nguyên giá		121.812.490.518	112.209.917.151
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(60.832.659.582)	(50.258.870.645)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	39.349.204.338	37.514.702.965
228	Nguyên giá		43.592.859.233	41.289.799.233
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.243.654.895)	(3.775.096.268)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		12.144.885.972	12.144.885.972
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	12.144.885.972	12.144.885.972
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	12	3.913.744.211	3.518.074.901
251	1. Đầu tư vào công ty con		7.549.764.000	7.549.764.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(3.636.019.789)	(4.031.689.099)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		15.162.572.656	7.890.635.076
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	11.581.691.640	6.176.099.249
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	25.3	3.580.881.016	1.714.535.827
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		497.357.358.486	519.557.108.922

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại – Thuyết minh số 28)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		140.183.761.346	160.612.751.906
310	I. Nợ ngắn hạn		139.106.384.415	159.503.340.405
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	19.082.170.112	50.010.493.632
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.923.858.660	835.267.475
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.330.008.440	14.476.033.575
314	4. Phải trả người lao động		155.231.297	6.933.645.320
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	4.597.026.720	2.906.271.523
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	7.068.390.790	20.208.835.260
320	7. Vay ngắn hạn	18	100.348.260.000	57.873.097.600
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.601.438.396	6.259.696.020
330	II. Nợ dài hạn		1.077.376.931	1.109.411.501
337	1. Phải trả dài hạn khác	1.077.3	1.077.376.931	1.109.411.501
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		357.173.597.140	358.944.357.016
410	I. Vốn chủ sở hữu	19.1	357.173.597.140	358.944.357.016
411	1. Vốn cổ phần		149.923.670.000	149.923.670.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		149.923.670.000	149.923.670.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		8.520.414.412	8.520.414.412
415	3. Cổ phiếu quỹ		(817.291.640)	(817.291.640)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		99.385.502.276	100.379.768.414
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		100.161.302.092	100.937.795.830
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		55.018.841.569	13.453.275.420
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		45.142.460.523	87.484.520.410
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		497.357.358.486	519.557.108.922


Lê Quang Hồng
Người lập


Lê Tôn Hùng
Kế toán trưởng




Hàng Phi Quang
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Phân loại lại – Thuyết minh số 28)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	583.179.093.567	668.389.562.518
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(75.805.676.747)	(66.427.805.599)
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	507.373.416.820	601.961.756.919
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		(359.276.857.615)	(417.569.069.608)
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ		148.096.559.205	184.392.687.311
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	1.018.761.581	2.168.460.733
22 23	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	21	(3.331.924.389) (2.923.130.710)	(5.570.773.294) (5.261.075.698)
25	8. Chi phí bán hàng	22	(47.821.669.366)	(48.564.671.725)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(43.205.021.068)	(46.435.716.856)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		54.756.705.963	85.989.986.169
31	11. Thu nhập khác	24	4.801.171.000	1.444.084.125
32	12. Chi phí khác	24	(1.872.125.460)	-
40	13. Lợi nhuận khác	24	2.929.045.540	1.444.084.125
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		57.685.751.503	87.434.070.294
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.2	(14.409.636.169)	(101.941.970)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	25.3	1.866.345.189	152.392.086
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		45.142.460.523	87.484.520.410

Lê Quang Hồng
Người lập

Lê Tôn Hùng
Kế toán trưởng



Hàng Phi Quang
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Phân loại lại – Thuyết minh số 28)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		57.685.751.503	87.434.070.294
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9, 10	11.042.347.564	9.132.432.445
03	Các khoản dự phòng		7.619.103.267	2.758.766.291
04	Lỗi (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	21, 20.2	117.408.200	(382.210.012)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(888.267.423)	(587.333.822)
06	Chi phí lãi vay	21	2.923.130.710	5.261.075.698
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		78.499.473.821	103.616.800.894
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		30.745.015.895	(31.042.661.794)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(53.307.236.511)	7.109.351.551
11	Giảm các khoản phải trả		(38.224.451.018)	(6.441.538.495)
12	Tăng chi phí trả trước		(4.853.569.338)	(612.126.756)
14	Tiền lãi vay đã trả		(2.923.130.710)	(5.261.075.698)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	25.2	(22.604.945.825)	(937.812.411)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.103.839.286)	(7.575.586.809)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(16.772.682.972)	58.855.350.482
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm tài sản cố định		(11.905.633.367)	(14.293.620.213)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		-	483.171.000
27	Tiền lãi đã nhận		888.267.423	383.207.836
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(11.017.365.944)	(13.427.241.377)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		228.884.440.444	234.682.450.246
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(186.409.278.044)	(209.060.650.786)
36	Cổ tức đã trả	19.2	(59.411.181.599)	(29.804.000.850)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(16.936.019.199)	(4.182.201.390)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Phân loại lại – Thuyết minh số 28)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(44.726.068.115)	41.245.907.715
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		66.876.258.657	25.630.350.942
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	22.150.190.542	66.876.258.657



Lê Quang Hồng
Người lập



Lê Tôn Hùng
Kế toán trưởng




Hàng Phi Quang
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001067 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 6 năm 2002 và các GCNĐKKD điều chỉnh như sau:

<i>Giấy CNĐKKD điều chỉnh</i>	<i>Ngày</i>
4103001067 - Điều chỉnh lần thứ nhất	Ngày 16 tháng 7 năm 2003
4103001067 - Điều chỉnh lần thứ hai	Ngày 17 tháng 8 năm 2007
4103001067 - Điều chỉnh lần thứ ba	Ngày 21 tháng 5 năm 2008
0302634683 - Điều chỉnh lần thứ tư	Ngày 7 tháng 6 năm 2011
0302634683 - Điều chỉnh lần thứ năm	Ngày 6 tháng 9 năm 2011
0302634683 - Điều chỉnh lần thứ sáu	Ngày 26 tháng 5 năm 2014
0302634683 - Điều chỉnh lần thứ bảy	Ngày 2 tháng 7 năm 2014

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại; sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu nông sản, vật tư nông nghiệp; sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật; và thiết kế, chế tạo, lắp đặt, xuất nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị chế biến hạt giống và nông sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 282 đường Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có các đơn vị trực thuộc là trạm giống cây trồng Củ Chi, trại giống cây trồng Cờ Đỏ, trạm giống cây trồng Cai Lậy, trại giống cây trồng Lâm Hà, trung tâm nghiên cứu giống cây trồng Miền Nam và trung tâm giống rau hoa, các chi nhánh tại Hà Nội, Tây Nguyên, Miền Trung và Campuchia, và Văn phòng đại diện tại Lào.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 393 người (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 400 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12. Công ty lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ("Thông tư 52") - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Công văn số 1419/UBCK-PTTT - Hướng dẫn Thông tư 52. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến việc áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp như sau:

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 200 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới báo cáo tài chính của Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại số liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính riêng năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 28.

3.2 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu ngắn hạn khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	10 - 49 năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	4 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 6 năm
Bản quyền	10 - 20 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3.8 Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty, và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ kế toán năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào các công ty con theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.12 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Dự phòng

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.15 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.16 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và chi nhánh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	379.954.608	321.508.028
Tiền gửi ngân hàng	17.770.235.934	54.507.695.073
Các khoản tương đương tiền	4.000.000.000	12.047.055.556
TỔNG CỘNG	<u>22.150.190.542</u>	<u>66.876.258.657</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng, và hưởng lãi suất ngân hàng có thể áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Phân loại lại – Thuyết minh số 28)
Phải thu từ bên khác	80.286.690.570	100.639.244.524
Cục Trồng Trọt	23.379.275.000	-
Các khách hàng khác	56.907.415.570	100.639.244.524
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 26)	13.654.784.826	22.540.139.913
TỔNG CỘNG	93.941.475.396	123.179.384.437
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.635.629.191)	(1.814.220.540)
GIÁ TRỊ THUẦN	91.305.846.205	121.365.163.897

Toàn bộ khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã được dùng để đảm bảo các khoản vay (Thuyết minh số 18).

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho bên khác	6.358.082.834	8.075.321.525

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Phân loại lại – Thuyết minh số 28)
Cho vay bên liên quan (Thuyết minh số 26)	1.124.287.000	1.124.287.000
Cho cán bộ công nhân viên vay	200.000.000	365.000.000
TỔNG CỘNG	1.324.287.000	1.489.287.000
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.124.287.000)	(1.124.287.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	200.000.000	365.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số đầu năm	
	(Phân loại lại –	
	Số cuối năm	Thuyết minh số 28)
Tạm ứng cho nhân viên	3.768.083.719	5.775.839.333
Kỳ cược, ký quỹ ngắn hạn	2.857.552.000	3.336.252.000
Tạm ứng cho nông dân	2.808.788.509	2.850.192.174
Chi phí kiểm định chất lượng phải thu từ Nhà nước	1.994.579.502	-
Phải thu từ các bên có liên quan (Thuyết minh số 26)	468.188.697	468.188.697
Phải thu ngắn hạn khác	<u>3.537.779.848</u>	<u>2.427.176.983</u>
TỔNG CỘNG	<u>15.434.972.275</u>	<u>14.857.649.187</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(468.188.697)</u>	<u>(468.188.697)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>14.966.783.578</u>	<u>14.389.460.490</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	136.698.877.233	(2.951.796.840)	86.330.491.315	(2.622.024.940)
Thành phẩm	51.801.134.395	(430.051.444)	31.501.926.561	(768.080.399)
Hàng hóa	34.857.001.204	(7.254.664.065)	45.328.015.753	(53.043.084)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.849.144.746	-	14.562.422.452	-
Công cụ, dụng cụ	1.640.802.566	-	1.663.878.004	-
Hàng mua đang đi đường	1.172.195	-	647.500.000	-
Hàng gửi đi bán	825.239	-	3.507.486.982	-
TỔNG CỘNG	<u>236.848.957.578</u>	<u>(10.636.512.349)</u>	<u>183.541.721.067</u>	<u>(3.443.148.423)</u>

Toàn bộ hàng tồn kho đã được dùng để đảm bảo các khoản vay (Thuyết minh số 18).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(3.443.148.423)	(577.366.410)
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	(10.636.512.349)	(3.443.148.423)
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	<u>3.443.148.423</u>	<u>577.366.410</u>
Số cuối năm	<u>(10.636.512.349)</u>	<u>(3.443.148.423)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND				
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Số đầu năm	70.971.202.552	22.504.747.529	16.672.273.061	2.061.694.009	112.209.917.151
Mua mới trong năm	3.842.079.209	4.143.987.900	916.177.000	700.329.258	9.602.573.367
Số cuối năm	<u>74.813.281.761</u>	<u>26.648.735.429</u>	<u>17.588.450.061</u>	<u>2.762.023.267</u>	<u>121.812.490.518</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	16.282.298.378	5.365.177.554	5.607.193.456	521.755.792	27.776.425.180
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	(27.490.377.893)	(12.200.118.262)	(9.617.762.189)	(950.612.301)	(50.258.870.645)
Khấu hao trong năm	(5.555.569.208)	(2.881.005.616)	(1.760.777.479)	(376.436.634)	(10.573.788.937)
Số cuối năm	<u>(33.045.947.101)</u>	<u>(15.081.123.878)</u>	<u>(11.378.539.668)</u>	<u>(1.327.048.935)</u>	<u>(60.832.659.582)</u>
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	<u>43.480.824.659</u>	<u>10.304.629.267</u>	<u>7.054.510.872</u>	<u>1.111.081.708</u>	<u>61.951.046.506</u>
Số cuối năm	<u>41.767.334.660</u>	<u>11.567.611.551</u>	<u>6.209.910.393</u>	<u>1.434.974.332</u>	<u>60.979.830.936</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm vi tính</i>	<i>Bản quyền</i>	<i>VND</i> <i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm	40.684.335.409	605.463.824	-	41.289.799.233
Mua mới trong năm	-	78.060.000	2.225.000.000	2.303.060.000
Số cuối năm	<u>40.684.335.409</u>	<u>683.523.824</u>	<u>2.225.000.000</u>	<u>43.592.859.233</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu trừ hết</i>	446.302.520	-	213.863.824	660.166.344
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	(3.540.832.446)	(234.263.822)	-	(3.775.096.268)
Hao mòn trong năm	(299.900.296)	(130.533.332)	(38.124.999)	(468.558.627)
Số cuối năm	<u>(3.840.732.742)</u>	<u>(364.797.154)</u>	<u>(38.124.999)</u>	<u>(4.243.654.895)</u>
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	<u>37.143.502.963</u>	<u>371.200.002</u>	<u>-</u>	<u>37.514.702.965</u>
Số cuối năm	<u>36.843.602.667</u>	<u>318.726.670</u>	<u>2.186.875.001</u>	<u>39.349.204.338</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Quyền sử dụng đất	11.903.862.672	11.903.862.672
Khác	241.023.300	241.023.300
TỔNG CỘNG	<u>12.144.885.972</u>	<u>12.144.885.972</u>

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào các công ty con	7.549.764.000	7.549.764.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(3.636.019.789)	(4.031.689.099)
TỔNG CỘNG	<u>3.913.744.211</u>	<u>3.518.074.901</u>

Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	% sở hữu	Giá trị (VND)	% sở hữu	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Nam An	70,00	4.200.000.000	70,00	4.200.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Giống Cây Trồng Miền Nam	83,74	3.349.764.000	83,74	3.349.764.000
		<u>7.549.764.000</u>		<u>7.549.764.000</u>

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Nam An ("NAS")

NAS là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 270300045 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp ngày 21 tháng 1 năm 2002 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở chính của NAS tại Xã Diễn Thịnh, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An. Hoạt động chính của NAS là mua bán hạt giống, vật tư nông nghiệp, nông sản; cung cấp dịch vụ sấy, đóng gói, mua bán máy nông nghiệp, và sản xuất, chế biến lương thực thực phẩm.

Công ty Cổ phần Cơ khí Giống Cây Trồng Miền Nam ("SSE")

SSE là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0309966504 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 4 năm 2010 và các Giấy CNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở chính của SSE tại số 282 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của SSE theo GCNĐKKD là sản xuất máy nông nghiệp, lâm nghiệp; máy chế biến thực phẩm, đồ uống; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị.

Hiện tại, SSE đã ngừng hoạt động và đang trong quá trình hoàn tất hồ sơ cần thiết để xin phá sản theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa, cải tạo	623.704.875	585.330.276
Công cụ, dụng cụ	234.645.931	724.426.110
Khác	38.044.107	138.661.580
	<u>896.394.913</u>	<u>1.448.417.966</u>
Dài hạn		
Chi phí nghiên cứu giống	6.110.345.871	1.827.868.126
Chi phí sửa chữa, cải tạo	2.339.920.649	1.804.916.053
Tiền thuê đất	1.017.114.294	1.017.114.294
Công cụ, dụng cụ	479.073.416	1.380.560.520
Khác	1.635.237.410	145.640.256
	<u>11.581.691.640</u>	<u>6.176.099.249</u>
TỔNG CỘNG	<u>12.478.086.553</u>	<u>7.624.517.215</u>

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả bên khác				
Công ty TNHH Sichuan Longping High-tech	19.080.931.112	19.080.931.112	50.009.254.632	50.009.254.632
Công ty TNHH Sichuan Nongda High-tech	8.864.583.300	8.864.583.300	25.570.599.197	25.570.599.197
Công ty TNHH Dekalb Việt Nam	4.676.225.297	4.676.225.297	4.509.452.803	4.509.452.803
Các nhà cung cấp khác	5.540.122.515	5.540.122.515	16.533.511.000	16.533.511.000
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 26)	1.239.000	1.239.000	1.239.000	1.239.000
TỔNG CỘNG	<u>19.082.170.112</u>	<u>19.082.170.112</u>	<u>50.010.493.632</u>	<u>50.010.493.632</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm (Trình bày lại – Thuyết minh số 28)	Số phải trả trong năm	Số đã trả trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	877.155.773	-	872.675.954	4.479.819
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 25.2)	9.373.849.254	14.409.636.169	22.604.945.825	1.178.539.598
Thuế thu nhập cá nhân	1.822.044.210	640.144.165	2.315.199.352	146.989.023
Các loại thuế khác		-	2.402.984.338	-
TỔNG CỘNG	<u>14.476.033.575</u>	<u>15.049.780.334</u>	<u>28.195.805.469</u>	<u>1.330.008.440</u>
	Số đầu năm	Số phải thu trong năm	Số đã căn trừ trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	3.836.633.407	172.858.511	474.124.896	3.535.367.022
Các loại thuế khác (Trình bày lại – Thuyết minh số 28)	33.584.878	230.791.366	126.397.321	137.978.923
TỔNG CỘNG	<u>3.870.218.285</u>	<u>403.649.877</u>	<u>600.522.217</u>	<u>3.673.345.945</u>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Phân loại lại – Thuyết minh số 28)
Chi phí vận chuyển	1.180.569.352	1.098.906.255
Chi phí lãi vay	230.341.139	238.960.898
Khác	3.186.116.229	1.568.404.370
TỔNG CỘNG	<u>4.597.026.720</u>	<u>2.906.271.523</u>

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng từ quỹ VCBF	1.416.604.000	-
Cổ tức phải trả	684.696.400	15.405.310.600
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	470.421.656	1.156.473.341
Kinh phí công đoàn	140.108.000	97.891.950
Bảo hiểm thất nghiệp	68.363.426	54.202.419
Các khoản phải trả phải nộp khác	4.288.197.308	3.494.956.950
TỔNG CỘNG	<u>7.068.390.790</u>	<u>20.208.835.260</u>

Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

18. VAY NGẮN HẠN

	VND					
	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Số tiền	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Số tiền	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	57.873.097.600	57.873.097.600	228.884.440.444	(186.409.278.044)	100.348.260.000	100.348.260.00

Công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất (năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	27.916.050.000	Ngày 26 tháng 7 năm 2016	5,0%	Tín chấp
Ngân Hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)	12.168.000.000	Ngày 23 tháng 1 năm 2016	4,5%	Hàng tồn kho và phải thu ngắn hạn khách hàng
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB)	40.752.210.000	Ngày 26 tháng 7 năm 2016	4,8%	Tín chấp
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	19.512.000.000	Ngày 18 tháng 5 năm 2016	6,5%	Tín chấp
TỔNG CỘNG	100.348.260.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Trình bày lại – Thuyết minh số 28)	VND Tổng cộng
Năm trước							
Số đầu năm	149.923.670.000	8.520.414.412	(817.291.640)	69.635.542.187	14.992.367.000	47.365.260.334	289.619.962.293
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	87.484.520.410	87.484.520.410
Điều chỉnh thuế (Thuyết minh số 28)	-	-	-	-	-	(4.549.039.643)	(4.549.039.643)
Trích lập quỹ	-	-	-	12.258.007.012	3.493.852.215	(15.751.859.227)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.593.663.544)	(5.593.663.544)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(7.344.322.500)	(7.344.322.500)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(673.100.000)	(673.100.000)
Số cuối năm	<u>149.923.670.000</u>	<u>8.520.414.412</u>	<u>(817.291.640)</u>	<u>81.893.549.199</u>	<u>18.486.219.215</u>	<u>100.937.795.830</u>	<u>358.944.357.016</u>
Năm nay							
Số đầu năm	149.923.670.000	8.520.414.412	(817.291.640)	81.893.549.199	18.486.219.215	100.937.795.830	358.944.357.016
Phân loại lại (Thuyết minh số 28)	-	-	-	18.486.219.215	(18.486.219.215)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	45.142.460.523	45.142.460.523
Trích lập quỹ	-	-	-	(994.266.138)	-	994.266.138	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.222.653.000)	(2.222.653.000)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(44.690.567.399)	(44.690.567.399)
Số cuối năm	<u>149.923.670.000</u>	<u>8.520.414.412</u>	<u>(817.291.640)</u>	<u>99.385.502.276</u>	<u>-</u>	<u>100.161.302.092</u>	<u>357.173.597.140</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm và cuối năm	<u>149.923.670.000</u>	<u>149.923.670.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức công bố	44.690.567.399	7.344.322.500
Cổ tức đã trả trong năm	59.411.181.599	29.804.000.850

19.3 Vốn cổ phần

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VND)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VND)
Cổ phiếu được phép phát hành	14.992.367	149.923.670.000	14.992.367	149.923.670.000
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ				
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.992.367	149.923.670.000	14.992.367	149.923.670.000
Cổ phiếu quỹ	(61.412)	(614.120.000)	(61.412)	(614.120.000)
Cổ phiếu đang lưu hành				
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.930.955	149.309.550.000	14.930.955	149.309.550.000

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	583.179.093.567	668.389.562.518
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán thành phẩm	453.342.847.644	491.867.350.127
Doanh thu bán hàng hóa	129.780.527.743	176.513.887.394
Doanh thu cung cấp dịch vụ	55.718.180	8.324.997
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(75.805.676.747)	(66.427.805.599)
Chiết khấu thương mại	(26.767.412.526)	(31.326.812.528)
Hàng bán bị trả lại	(48.104.644.121)	(35.068.177.071)
Giảm giá hàng bán	(933.620.100)	(32.816.000)
DOANH THU THUẦN	507.373.416.820	601.961.756.919
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 26)	27.092.659.100	43.851.275.475

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

20. DOANH THU (tiếp theo)

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	888.267.423	351.318.947
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	130.494.158	370.246.691
Nhận lãi hỗ trợ từ Chính phủ	-	1.064.685.083
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	382.210.012
TỔNG CỘNG	<u>1.018.761.581</u>	<u>2.168.460.733</u>

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.923.130.710	5.261.075.698
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	687.054.789	179.728.217
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	117.408.200	-
Chiết khấu thanh toán cho người mua	-	580.201.265
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn	(395.669.310)	(450.231.886)
TỔNG CỘNG	<u>3.331.924.389</u>	<u>5.570.773.294</u>

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	47.821.669.366	48.564.671.725
Chi phí nguyên vật liệu	1.491.310.317	1.918.589.731
Chi phí nhân công	6.624.003.735	5.955.868.419
Chi phí khấu hao và hao mòn	389.941.439	211.585.337
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.498.262.884	16.919.702.393
Chi phí khác	21.818.150.991	23.558.925.845
Chi phí quản lý doanh nghiệp	43.205.021.068	46.435.716.856
Chi phí nguyên vật liệu	1.676.082.828	1.945.718.223
Chi phí nhân công	18.747.570.320	22.314.907.890
Chi phí khấu hao và hao mòn	4.299.132.755	2.926.660.472
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.315.838.286	5.566.641.776
Chi phí khác	11.166.396.879	13.681.788.495
TỔNG CỘNG	<u>91.026.690.434</u>	<u>95.000.388.581</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	320.471.414.503	393.901.043.722
Chi phí nhân công	61.460.849.956	55.879.373.959
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 9 và 10)	11.042.347.564	9.132.432.445
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.799.381.538	34.567.420.527
Chi phí khác	46.410.208.827	19.089.187.536
TỔNG CỘNG	<u>475.184.202.388</u>	<u>512.569.458.189</u>

24. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước (Phân loại lại – Thuyết minh số 28)
Thu nhập khác	4.801.171.000	1.444.084.125
Nhận hỗ trợ từ quỹ VCBF	4.719.171.000	1.085.187.000
Cho thuê kho	82.000.000	93.600.000
Thu bán tài sản cố định	-	232.297.125
Thu nhập khác	-	33.000.000
Chi phí khác	(1.872.125.460)	-
Lãi phạt chậm nộp thuế	(1.872.125.460)	-
Chi phí khác	-	-
LỢI NHUẬN KHÁC	<u>2.929.045.540</u>	<u>1.444.084.125</u>

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 22% trên tổng thu nhập chịu thuế.

Vào ngày 30 tháng 7 năm 2012, Công ty nhận được Giấy Chứng nhận số 08/ĐK-DNKHCN do Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh cấp, chấp thuận Công ty là Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ ("KH&CN"). Theo các quy định về Doanh nghiệp KH&CN, và các quy định về ưu đãi, miễn giảm thuế TNDN hiện hành thì Công ty được miễn, giảm thuế TNDN như doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ từ khi có thu nhập chịu thuế với điều kiện: doanh thu của các sản phẩm, hàng hóa hình thành từ kết quả KH&CN trong năm thứ nhất từ 30% tổng doanh thu trở lên, năm thứ hai từ 50% tổng doanh thu trở lên và năm thứ ba trở đi từ 70% tổng doanh thu trở lên. Cụ thể:

- (i) Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động KH&CN; và
- (ii) Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 (bốn) năm và giảm 50% trong 9 (chín) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thuế TNDN hiện hành	14.409.636.169	101.941.970
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	<u>(1.866.345.189)</u>	<u>(152.392.086)</u>
TỔNG CỘNG	<u>12.543.290.980</u>	<u>(50.450.116)</u>

25.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận chịu thuế và tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

	Năm nay			VND
	Hoạt động khoa học và công nghệ	Hoạt động kinh doanh	Tổng cộng	Năm trước (Trình bày lại – Thuyết minh số 28)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50.014.127.411	7.671.624.092	57.685.751.503	87.434.070.294
Các điều chỉnh:				
Thay đổi chi phí phải trả	4.565.837.579	1.248.762.250	5.814.599.829	3.874.754.517
Thay đổi trợ cấp thôi việc phải trả	(81.987.917)	49.953.347	(32.034.570)	116.312.000
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	1.054.607.431	975.422.029	2.030.029.460	32.304.957
Thu nhập chịu thuế ước tính	55.552.584.504	9.945.761.718	65.498.346.222	91.457.441.768
Chi phí thuế TNDN hiện hành	12.221.568.591	2.188.067.578	14.409.636.169	101.941.970
Thuế TNDN phải trả đầu năm	8.457.981.830	915.867.424	9.373.849.254	5.660.680.052
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu	-	-	-	4.549.039.643
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(20.679.550.421)	(1.925.395.404)	(22.604.945.825)	(937.812.411)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	-	1.178.539.598	1.178.539.598	9.373.849.254

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại và các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí phải trả ngắn hạn	3.365.405.629	1.579.552.429	1.785.853.200	125.790.578
Trợ cấp thôi việc phải trả	215.475.387	134.983.398	80.491.989	26.601.508
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	<u>3.580.881.016</u>	<u>1.714.535.827</u>		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			<u>1.866.345.189</u>	<u>152.392.086</u>

26. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	VND	
				<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Nam An	Công ty con		Bán hàng hóa	36.829.185.500	49.105.693.225
			Hàng bán bị trả lại	7.991.996.000	1.910.486.600
			Chiết khấu bán hàng	1.744.530.400	3.343.931.150

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản thoả thuận theo hợp đồng.

Chi tiết tiền thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát như sau:

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và các chi phí liên quan	<u>774.100.000</u>	<u>673.100.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

26. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu, phải trả từ các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Giá trị	
			Số cuối năm	Số đầu năm
VND				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5.1)				
Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Nam An	Công ty con	Bán hàng hóa	<u>13.654.784.826</u>	<u>22.540.139.913</u>
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 6)				
Công ty Cổ phần Cơ khí Giống Cây Trồng Miền Nam	Công ty con	Cho vay	<u>1.124.287.000</u>	<u>1.124.287.000</u>
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)				
Công ty Cổ phần Cơ khí Giống Cây Trồng Miền Nam	Công ty con	Thu nhập lãi	<u>468.188.697</u>	<u>468.188.697</u>
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14)				
Công ty Cổ phần Cơ khí Giống Cây Trồng Miền Nam	Công ty con	Mua tài sản cố định	<u>1.239.000</u>	<u>1.239.000</u>

27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	<u>1.430.000.000</u>	<u>572.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

28. SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Căn cứ vào Biên bản Thanh Tra thuế số 51/BB-CT-TT2-Đ1 ngày 16 tháng 3 năm 2015 và Quyết định xử phạt số 977/QĐ-CT-XP ngày 31 tháng 3 năm 2015 ban hành bởi Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Giám đốc Công ty quyết định điều chỉnh hồi tố thuế giá trị gia tăng, thuế TNDN và thuế thu nhập cá nhân tính thiếu cho các năm tài chính từ năm 2007 đến năm 2010 với tổng số tiền là 6.537.561.805 VND, với chi tiết như sau:

- ▶ Tăng khoản mục thuế và các khoản phải nộp Nhà nước với số tiền là 5.752.265.084 VND và đồng thời ghi giảm khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với số tiền là 6.537.561.805 VND và ghi giảm khoản mục thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước với số tiền là 785.296.721 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Ngoài ra, căn cứ vào Công văn Số 13258/CT-TTH ngày 21 tháng 12 năm 2015 ban hành bởi Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Giám đốc quyết định điều chỉnh hồi tố thuế TNDN tính thiếu cho năm tài chính 2013 và 2014 với tổng số tiền là 8.457.981.830 VND, với chi tiết như sau:

- ▶ Tăng khoản mục thuế và các khoản phải nộp Nhà nước và đồng thời ghi giảm khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 với số tiền là 3.908.942.187 VND; và
- ▶ Tăng khoản mục thuế và các khoản phải nộp Nhà nước và đồng thời ghi giảm khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 với số tiền là 4.549.039.643 VND.

Ảnh hưởng của sự điều chỉnh này được trình bày như sau:

	VND		
	<i>Trình bày trước đây</i>	<i>Các điều chỉnh</i>	<i>Đã trình bày lại</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2013			
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	57.811.764.326	(10.446.503.992)	47.365.260.334
Ngày 31 tháng 12 năm 2014			
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	115.933.339.465	(14.995.543.635)	100.937.795.830
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	265.786.661	14.210.246.914	14.476.033.575
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	(818.881.599)	785.296.721	(33.584.878)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

28. SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

Ngoài ra, một số khoản mục tương ứng trên báo cáo tài chính riêng năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính riêng của năm nay do việc áp dụng Thông tư 200. Chi tiết như sau:

	<i>Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Ảnh hưởng của phân loại lại</i>	<i>VND Số đầu năm (được phân loại lại)</i>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG			
Đầu tư ngắn hạn	1.489.287.000	(1.489.287.000)	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	1.489.287.000	1.489.287.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(1.124.287.000)	1.124.287.000	-
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.282.409.237)	(1.124.287.000)	(3.406.696.237)
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	134.191.812.755	(11.012.428.318)	123.179.384.437
Chi phí phải trả ngắn hạn	13.918.699.841	(11.012.428.318)	2.906.271.523
Tài sản ngắn hạn khác	9.161.441.371	(9.161.441.371)	-
Phải thu ngắn hạn khác	5.745.557.854	9.112.091.333	14.857.649.187
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	49.350.038	49.350.038
Quỹ dự phòng tài chính	18.486.219.215	(18.486.219.215)	-
Quỹ đầu tư phát triển	81.893.549.199	18.486.219.215	100.379.768.414
	<i>Năm trước (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Ảnh hưởng của phân loại lại</i>	<i>Năm trước (được phân loại lại)</i>

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Thu nhập khác	1.694.958.000	(250.873.875)	1.444.084.125
Chi phí khác	(250.873.875)	250.873.875	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	3.411.212.000	(3.411.212.000)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	10.986.798.809	(3.411.212.000)	7.575.586.809

29. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	349.750.544	359.750.544
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	14.198	1.333
- Euro (EUR)	1	1.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu cần phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng.



Lê Quang Hồng
Người lập



Lê Tôn Hùng
Kế toán trưởng



Hàng Phi Quang
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2016